

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13 – 7 – 2021

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,  
TỈNH NINH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đường Nguyễn Thanh Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Xuân Hà

2. Ông Trần Văn Bình

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Minh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa:* Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang-Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXX-ST ngày 24 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thanh Đ, sinh năm 1980 (có mặt)

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình N, sinh năm 1975 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã TH, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Thanh Đ trình bày:* Bà và ông Nguyễn Đình N tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau; vợ chồng có tổ chức cưới hỏi. Vợ chồng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TH cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn T, xã TH, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng bà không chịu đi làm việc dẫn đến kinh tế gia đình gặp khó khăn, bà đã nhiều lần động viên chồng tiếp tục đi làm nhưng chồng không nghe mà quyết định ở nhà

làm nông, nuôi bò. Từ khi ở nhà, chồng bà thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, chửi bới, đánh đập vợ; cụ thể là ông N thường dùng tay đánh vào mặt của bà khoảng 05 – 06 lần, mỗi lần bị chồng đánh bà thường chạy sang nhà cha mẹ chồng để trốn. Hầu hết mọi công việc trong gia đình đều do một mình bà phải gánh vác, lo toan. Năm 2017 bà cùng các con về nhà mẹ ruột sống được 04 tháng thì được gia đình khuyên giải nên bà đã dẫn các con quay về chung sống với ông N. Sau đó, ông N vẫn không thay đổi tính tình, vẫn chứng nào tật nấy nên từ tháng 10 tháng giêng năm 2021 đến nay, bà và các con đã chuyển ra ngoài rẫy sinh sống tại căn nhà của mẹ bà để lại. Giữa bà và ông N đã không còn liên lạc nữa, chỉ khi nào liên quan đến vấn đề con cái thì mới liên lạc. Ông N cũng đã ra rẫy khuyên bà về nhà sống chung nhưng bà không đồng ý vì bà đã không còn tình cảm vợ chồng với ông N, có quay về sống chung thì cũng không có hạnh phúc. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đình N.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Đình T, sinh ngày 29/6/2005 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 04/6/2012. Hiện nay, bà đang làm nông, thu nhập trung bình mỗi tháng là 4.000.000 đồng. Các con hiện đang sống cùng bà, được bà chăm sóc và đưa đón đi học. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/4/2021 và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Đình N trình bày:* Ông và bà Lê Thị Thanh Đ tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH vào năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại thôn T 1, xã TH, thành phố P. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn tuy nhiên đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống không phải là nguyên nhân dẫn đến vợ chồng phải ly hôn. Bản thân ông cũng chăm lo và có trách nhiệm với gia đình. Việc vợ ông nộp đơn ly hôn chỉ là sự bộc phát, nóng tính của vợ; cả gia đình hai bên đều không ai mong muốn vợ chồng ông phải ly hôn. Từ tháng 10 Tết Nguyên đán đến nay, vợ ông đã chuyển ra ngoài rẫy sinh sống, ông cũng đã nhiều lần ra rẫy để khuyên vợ quay về nhưng vợ chỉ im lặng, không nói gì. Thời gian gần đây, ông không ra rẫy nữa, vợ chồng cũng ít liên lạc chỉ khi nào có việc cần mới điện thoại. Nay ông xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, ông vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà Đ, nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Đình T, sinh ngày 29/6/2005 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 04/6/2012. Nếu Tòa án cho ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh H, ông đồng ý giao cháu Nguyễn Đình T cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, ông N có ý kiến nếu Tòa án cho ly hôn thì theo nguyện vọng của các con, ông đồng ý giao 02 con chung cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:* Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các vắng bản tố tụng nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị đơn có mặt là thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh Đ được ly hôn với ông Nguyễn Đình N. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao hai con Nguyễn Đình T và Nguyễn Minh H cho bà Đ nuôi dưỡng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đương sự trình bày ý kiến và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Thôn T, xã TH, thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh Đ và ông Nguyễn Đình N chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, hai bên có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn, được UBND xã TH cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21/2004, ngày 14/9/2004 nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lê Thị Thanh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Đình N.

Bà Đ trình bày lý do xin ly hôn với ông N: Ông N thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, đánh đập, chửi bới vợ con; ông N cũng thường dùng tay đánh vào mặt bà, mỗi lần bị chồng đánh bà chạy sang nhà cha mẹ chồng hoặc chạy về nhà mẹ ruột để trốn. Công việc trong gia đình đều do một mình bà phải gánh vác, lo toan. Từ tháng 10 năm 2021 đến nay, bà đã cùng các con chuyển ra ngoài rẫy sinh sống tại căn nhà của mẹ bà để lại; Giữa bà và ông N đã không còn liên lạc với nhau, hiện bà đã không còn tình cảm vợ chồng với ông N.

Quá trình giải quyết vụ án, ông N cung cấp bản khai cho Tòa án trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, ông vẫn còn tình cảm với vợ và không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên khi Tòa án triệu tập tham gia hòa giải, ông N vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, ông N vẫn thừa nhận quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất

không đến nổi ly hôn. Ông cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng có thể hòa giải được, hiện ông vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn. Ông xác định vợ chồng hiện không còn sống chung, ông đã nhiều lần khuyên vợ quay về nhưng bà Đ không đồng ý.

Xét thấy: Lời trình bày của bà Đ phù hợp với lời trình bày của mẹ ruột bà là bà Trần Thị T và Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của Ban chấp hành Hội phụ nữ xã TH do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, phù hợp với lời khai của con chung “*ba suốt ngày ăn nhậu, chửi bới, la mắng mẹ con cháu*”. Hiện vợ chồng bà Đ ông N đã ly thân, không còn sống chung với nhau và trong thời gian sống ly thân, cả hai đều mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã cố gắng hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà Đ vẫn kiên quyết xin ly hôn và có ý kiến cho rằng nếu Tòa án có bác đơn ly hôn thì bà cũng không đồng ý quay về chung sống với ông N. Điều này, chứng tỏ bà Đ đã không còn tình cảm vợ chồng với ông N; khả năng vợ chồng quay về đoàn tụ là không có.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Đ và ông N đã kéo dài từ năm 2012 cho đến nay, các bên không hòa giải được. Bà Đ kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm với ông N. Ông N không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn còn tình cảm với bà Đ, nhưng ông N không đưa ra được phương pháp nào để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và thực tế hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 đến nay. Nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng.

Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân có hạnh phúc phải có sự tự nguyện từ cả vợ và chồng, cả hai cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; nếu chỉ có sự níu kéo từ một phía sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân sẽ không đạt được. Xét yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân của bà Đ với ông N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng bà Đ ông N có 02 con chung tên Nguyễn Đình T, sinh ngày 29/6/2005 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 04/6/2012. Bà Đ yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con vì bà có nghề nghiệp, có thu nhập và chỗ ở ổn định.

Xét thấy: Từ khi vợ chồng không còn sống chung, cháu T và cháu H đều sống cùng với bà Đ và được bà Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Hơn nữa nguyện vọng của các con đều mong muốn được sống cùng mẹ. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông N cũng đồng ý giao 02 con chung cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh Đ.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh Đ được ly hôn với ông Nguyễn Đình N.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Lê Thị Thanh Đ và ông Nguyễn Đình N. Giao cho bà Lê Thị Thanh Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Đình T, sinh ngày 29/6/2005 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 04/6/2012. Ông Nguyễn Đình N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà Lê Thị Thanh Đ không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Thanh Đ phải chịu 300.000<sup>d</sup> (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000<sup>d</sup> (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Lê Thị Thanh Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0023255 ngày 22/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Lê Thị Thanh Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
  - VKSND tỉnh Ninh Thuận;
  - VKSND TP. PR-TC;
  - Chi cục THADS TP. PR-TC;
  - TAND tỉnh Ninh Thuận;
  - UBND xã TH
- (Giấy CNKH số 214, quyển số II/2004, ngày 14/9/2004);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đường Nguyễn Thanh Thảo**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Xuân Hà**

**Nguyễn Xuân Thanh**

**Đường Nguyễn Thanh Thảo**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Lê Huỳnh Sinh  
Trần Văn Bình**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đường Nguyễn Thanh Thảo**



Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình....” Bà Diễm và ông Phong tuy sống chung nhưng không ai quan tâm đến ai, ông Phong không tham gia tổ tụng tại Tòa án, điều này thể hiện sự bỏ mặc không hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét thấy